

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 302/2020/DS-ST

Ngày: 21-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;
2. Bà Trần Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không có.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 174/12A, đường số 63, tổ 7, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Bà Tống Thị Nh, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 174/12, đường số 63, tổ 8, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/5/2020, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn U trình bày:*

Ông và bà Nh có mối quan hệ bà con dòng họ, ngày 13/4/2019, bà Nh có điện thoại mượn ông 10.000.000đ với lý do là đang túng thiếu, lúc đó ông không có tiền nên mượn người cháu tên N sửa xe tại ấp L, xã T, huyện C cho bà Nh. Chiều cùng ngày bà Nh đến nhà nhận đủ số tiền và hứa 03 tháng sau trả lại, ông không có làm giấy tờ vay mượn với bà Nh.

Ngày 22/5/2019, bà Tống Thị Nh có nhờ ông giúp đỡ đến cửa hàng dịch vụ cầm đồ T, địa chỉ tại ấp G, xã T, huyện C để cầm xe lấy tiền cho bà Nh mượn gấp, bà Nh nói chỉ mượn trong 02 tiếng sẽ trở lại chuộc xe cho ông, vì tin tưởng nên ông có cầm 01 chiếc xe Honda hiệu Air Blade biển số 59Y2-846.70 với số tiền 22.000.000đ cho bà Nh mượn, bà Nh trực tiếp nhận tiền. Khi nhận tiền xong, bà Nh hứa khoảng 2 tiếng đồng hồ bà Nh trở lại chuộc xe nhưng ông chờ tại tiệm cầm đồ đến 15 giờ chiều cùng ngày vẫn không thấy bà Nh trở lại chuộc xe. Từ đó bà Nh bỏ nhà đi biệt tích, ông điện mãi không trả lời mà còn chặn cuộc gọi, đến 05, 06 tháng sau khi chồng bà Nh đột quy chết bà Nh mới về, qua đám tang ông có đòi tiền nhưng bà Nh hứa hẹn hoài không trả. Vì quá bức xúc nên ông khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án buộc bà Nh phải trả cho ông số tiền ông mượn và cầm đồ dùm tổng cộng là 32.000.000đ.

Qua giải thích của cán bộ Tòa án, ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đ đã cho bà Nh mượn ngày 13/4/2019, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Nh phải trả cho ông số tiền 22.000.000đ ông cầm xe lấy tiền cho bà Nh mượn vào ngày 22/5/2019, trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, ông vẫn giữ nguyên ý kiến này.

** Bị đơn là bà Tống Thị Nh vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 11/5/2020, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn thiếu là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng), đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại số 174/12, đường số 63, tổ 8, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (bà Nh trực tiếp ký nhận văn bản) nhưng vẫn không đến Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt bà Nh theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Ông Nguyễn Văn U rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đ ông mượn dùm bà Tống Thị Nh vào ngày 13/4/2019. Đây là sự tự nguyện của ông U và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết

đối với yêu cầu này theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn U buộc bà Tống Thị Nh phải trả cho ông số tiền ông cầm xe là 22.000.000đ vào ngày 22/5/2020 để cho bà Nh mượn.

Hội đồng xét xử xét tại “Biên bản v/v hòa giải đơn thưa của ông Nguyễn Văn U” ngày 12/01/2020 tại Chi bộ L thuộc Đảng ủy xã T, bà Nh cũng thừa nhận có mượn của ông U số tiền cầm xe vào ngày 22/5/2019 là 22.000.000đ, sau đó chồng bà có mượn tiền của người khác để đi chuộc lại xe cho ông U, tuy nhiên bà Nh không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Phía ông U cho rằng tiền chuộc xe là tiền của cá nhân ông, không phải do chồng bà Nh đưa, xét bà Nh đã được triệu tập hợp lệ bằng các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến, điều này thể hiện bà Nh mặc nhiên thừa nhận bà vẫn còn nợ ông U số tiền 22.000.000đ. Việc bà Nh không trả tiền cho ông U theo đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó yêu cầu thanh toán nợ gốc của ông U là có cơ sở để chấp nhận. Ông U không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3, Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn U đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) ông U mượn dùm bị đơn là bà Tống Thị Nh vào ngày 13/4/2019.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn U về việc yêu cầu bị đơn là bà Tống Thị Nh trả lại số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) ông U cầm xe cho bà Nh mượn vào ngày 22/5/2019.

Thi hành ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nh chậm trả tiền thì phải

trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm bà Tống Thị Nh phải chịu là 1.100.000đ (Một triệu một trăm ngàn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Ông Nguyễn Văn U có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tống Thị Nh vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**